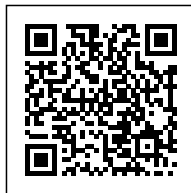


## THIÊN VIỆN THƯỜNG CHIẾU



## THIÊN VIỆN THƯỜNG CHIẾU

Thường Chiếu!



Danh xưng một vị Thiền sư Việt Nam nổi tiếng thời Lý. Sư họ Phạm, quê làng Phù Ninh, từng làm quan cho triều đình. Là một bậc trượng phu quân tử có tiết tháo, không khiếm phục uy quyền, xem thường công danh sự nghiệp ở đời, nên chốn quan trường đối với Sư chỉ như trò bọt bóng. Nghe danh Thiền sư Quảng Nghiêm ở chùa Tịnh Quả, Sư liền từ quan, tìm đến xuất gia học Thiền và đắc pháp luôn tại đây.

Sau, Sư về Trụ Trì chùa Lục Tổ ở làng Dịch Bảng, phủ Thiên Đức. Tăng chúng đua nhau theo học rất đông.

Từ đó, Sư trở thành một **danh tăng** lỗi lạc đương thời. Bình nhật, Sư luôn lấy đạo cả làm trọng, tĩnh lực giác tâm là chánh, thường hành chiếu soi, sống tự tại, chết ung dung. Hôm sắp tịch, Sư hơi đau bụng, bèn gọi chúng lại nói:

**Đạo vốn không nhan sắc,  
nhan sắc**

**Đạo bốn vô**

**Ngày ngày lại mới tươi.  
nhật nhật khoa.**

**Tân tiên**

**Ngoài đại thiên sa giới,  
giới ngoại,**

**Đại thiên sa**

**Chỗ nào chẳng là nhà ?  
gia ?**

**Hà xứ bất vi**

Nói xong, Sư tịch. Thật còn gì tuyệt bằng ! Có thể nói, môn phong của Sư được các thế hệ sau phát triển rực rỡ và chuyển tiếp thành dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử đời Trần sáng chói mãi về sau. Danh Sư vì thế đã trở thành danh xưng của Thiền viện Thường Chiếu non một thế kỷ sau.

Nơi đây - Thường Chiếu - không chỉ ảnh hiện một tấm gương sáng xa xưa cho người sau theo dấu soi mình, mà với ý nghĩa tròn đủ đó, Thường Chiếu còn là phương châm, là sở nguyện của Hòa thượng ân sư đối với chư Tăng: " Phản quan tự kỷ, bốn phận sự " - luôn tự soi chiếu lại chính mình -. Đây cũng chính là cương lĩnh yếu chỉ của dòng Thiền Việt Nam cuối thế kỷ 20 này.

**DUYÊN KHỞI THÀNH LẬP THIÊN VIỆN THƯỜNG CHIẾU.**

Vào những năm 73 -74, khi mở khóa thiền thứ hai tại Tu viện Chân Không, Hòa thượng nhận thấy Tăng ni về núi tham học khá đông. Theo đó, nhu cầu đời sống vật chất của chư Tăng cũng được đặt ra. Biết rõ điều ấy, hai Phật tử chủ chùa Linh Quang (cũ) ở Cát Lở phát tâm cúng dường thửa đất 52 mẫu tại Xã Phước Thái - Huyện Long Thành, để Hòa thượng lập Thiền trang. Nhận thấy cơ duyên đã đến, Hòa thượng liền tùy hỷ. Thiền viện Thường Chiếu được ra đời từ đó.



### 1. Giai đoạn đầu từ 1974 - 30/ 04/ 1975: Thời sơ khai.

Ngôi chùa Thường Chiếu đầu tiên là một căn nhà lá, mái tol, nằm trơ vơ trên một dãy đất cát trắng phếu với sỏi đá khô cằn. Thầy Đắc Huyền được Hòa thượng bổ nhiệm làm lính tiên phong - Trụ trì đầu tiên - với số chúng là bốn vị. Mấy anh em xuống núi trong giai đoạn này quả thật là phải "cạp đất mà ăn".

Vì vậy Hòa thượng luôn động viên, luôn tiếp sức qua những lần về thăm. Thầy không chỉ dùng lời mà còn cộng sự, cuốc đất trồng khoai, thân giáo chư tăng. Bây giờ ngồi mà nhớ lại hồi xưa, nếp nhà tranh, ánh đèn dầu, khung trời nắng cháy. Ai tới đây rồi cũng phải ngao ngán. Thường Chiếu lúc đó, không biết ra sao ở ngày mai? Song nhờ có Hòa thượng luôn yểm trợ tinh thần, giúp chư tăng vượt qua mọi khó khăn, giữ vững tâm nguyện tu hành của mình, nên rồi tất cả cũng kham nhẫn được. Vạn sự khởi đầu nan. Xưa nay vẫn vậy.

Đến 30 / 04 / 75, đất nước giải phóng, lịch sử sang trang. Chư Tăng ni cũng thay đổi cuộc sống tu hành của mình theo nhịp đổi thay chung của đất nước. Thế là Tăng ni của cả hai viện Chân Không và Bát Nhã khóa hai cùng xuống núi, về đây làm ruộng rẫy. Thầy Phước Hảo và Thầy Đắc Pháp cũng có mặt trong giai đoạn này để hướng dẫn chúng tu học và lao động, Tuy nhiên, thời gian chỉ có hai tháng thì giao lại cho Thầy Nhật Quang làm Huynh Trưởng. Ngẫm lại trong cuộc vô thường, bể hóa cồn dâu có khác gì nhau. Cũng chỉ đùa mà thôi.

### 2. Giai đoạn hai từ 1975 - 1986:



Thời vượt khó. Năm 1975, Thầy Nhật Quang lãnh trách nhiệm Huynh Trưởng với tổng số chúng là 20 vị. Hòa thượng cho cất thêm một tầng đường bằng lá và cái thất sàn cũng bằng lá, nếp mình khiêm cung bên bụi tre hồi đó chính là phương trượng của Thầy bây giờ. Thanh Qui Bách Trượng được áp dụng từ đây. Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực ( một ngày không làm, một ngày không ăn ).

Tu, học và lao động trở thành ba yếu tố căn bản không thể thiếu của Thiền sinh Thường Chiếu và các Chiếu phụ cận ra đời tiếp theo sau như Viên Chiếu (1975), Linh Chiếu (1980) . Việc tu được Hòa thượng cụ thể hóa như hơi thở, việc học như uống nước, việc làm như ăn cơm. Một

trong ba điều cần thiết đối với đời sống tu học của Thiền sinh. Để chấn chỉnh môn phong trong giai đoạn này, Hòa thượng Viện Trưởng đã sửa đổi bản Thanh Qui Chân Không, cho ra đời bản Qui Ước áp dụng chung cho các Thiền viện.

Tinh thần tu, học và lao động tuy phôi thai nhưng đã gây dựng được một sức sống mới trong tăng đoàn. Sức sống ấy đã được Thiền tăng chuyển tải trên đồng khô ruộng cạn, trên từng nhát cuốc đường cày, lúc đẩy xe kéo củi, khi đào giếng khoét mương. khắp trong bạn lứa anh em, đâu đâu cũng hùng hồn vang vọng như một hành khúc.

Theo <http://www.thuongchieu.net>